

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2019/QĐ-TTg

-----

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**BAN HÀNH QUY CHẾ PHỐI HỢP TRONG PHÒNG NGỪA VÀ GIẢI QUYẾT  
TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định 96/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;*

*Thủ tướng Chính phủ Quyết định về việc ban hành Quy chế phối hợp trong phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế,*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ công TTĐT, các Vụ: V.I, QHQT, KTTH, TH, Công báo;
- Lưu: Văn thư, PL (3b).

**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**

**QUY CHẾ**

**PHỐI HỢP TRONG PHÒNG NGỪA VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-TTg ngày / /2019 của Thủ tướng Chính phủ)*

**Chương 1.**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn và quy trình phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài, bao gồm cả việc thuê luật sư tư vấn, mời nhân chứng, chuyên gia và nguyên tắc tài chính phục vụ phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tạo cơ quan trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chính phủ, cơ quan nhà nước Việt Nam.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

**1. Tranh chấp đầu tư quốc tế** theo Quy chế này là tranh chấp phát sinh từ việc Nhà đầu tư nước ngoài kiện Chính phủ, Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi chung là Chính phủ Việt Nam) hoặc cơ quan nhà nước, tổ chức được cơ quan nhà nước ủy quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước (sau đây gọi chung là cơ quan nhà nước) trên cơ sở:

**Phương án 1:** chỉ áp dụng cho tranh chấp phát sinh theo hiệp định bảo hộ đầu tư

a) Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư hoặc hiệp định thương mại hoặc điều ước quốc tế khác có quy định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư mà Việt là thành viên (sau đây gọi chung là hiệp định đầu tư), trong đó có quy định về việc giải quyết tranh

chấp giữa Nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam tại trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài.

**Phương án 2:** giữ nguyên tranh chấp phát sinh từ (i) hiệp định bảo hộ đầu tư và (ii) hợp đồng, thỏa thuận đầu tư giữa Chính phủ/cơ quan nhà nước Việt Nam, cụ thể là:

a) Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư hoặc hiệp định thương mại hoặc điều ước quốc tế khác có quy định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư mà Việt Nam là thành viên (sau đây gọi chung là hiệp định đầu tư), trong đó có quy định về việc giải quyết tranh chấp giữa Nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam tại trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài; hoặc

b) Hợp đồng, thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam hoặc cơ quan nhà nước Việt Nam và Nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có quy định cơ quan giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng, thỏa thuận này là trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài.

**2. Nhà đầu tư nước ngoài** là tổ chức hoặc cá nhân đáp ứng các tiêu chí về Nhà đầu tư nước ngoài theo hiệp định đầu tư mà Việt Nam là thành viên.

**3. Cơ quan bị kiện** là cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đã ban hành, áp dụng biện pháp mà căn cứ vào đó Nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện trong một vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

**4. Cơ quan chủ trì** là cơ quan đầu mối giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể, được xác định theo Điều 5 và có nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 5 Quy chế này.

**5. Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ** là Bộ Tư pháp, nhiệm vụ và quyền hạn của được quy định tại Điều 7 Quy chế này.

**6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan** là cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan tới việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế và được Cơ quan chủ trì mời hoặc yêu cầu tham gia giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể.

**7. Tổ Công tác liên ngành** là Tổ công tác làm nhiệm vụ tư vấn cho Cơ quan chủ trì trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể, do Cơ quan chủ trì thành lập.

**8. Nhân chứng** là người biết về các tình tiết liên quan (nhân chứng tình tiết) hoặc có chuyên môn sâu về một hoặc một số vấn đề trong tranh chấp (nhân chứng chuyên môn) của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

### **Điều 3. Nguyên tắc phối hợp**

1. Cơ quan chủ trì và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế một cách chủ động, đồng bộ, kịp thời, hiệu quả theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật Việt Nam để bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của Chính phủ Việt Nam, cơ quan nhà nước Việt Nam.

2. Cơ quan chủ trì và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có nghĩa vụ đảm bảo bí mật Nhà nước, bí mật thông tin trong toàn bộ quá trình phòng ngừa và giải quyết tranh chấp theo quy định của tố tụng và quy định của pháp luật.

3. Cơ quan chủ trì và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm trước pháp luật về hậu quả phát sinh do không phối hợp hoặc phối hợp không đáp ứng nguyên tắc nêu tại Điều này.

#### **Điều 4. Nội dung phối hợp**

Việc phối hợp giữa Cơ quan chủ trì và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan theo Quy chế này bao gồm các nội dung sau đây:

##### **1. Phối hợp trong phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế (*đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư góp ý sâu hơn*)**

a. Ngay sau khi nhận được vướng mắc của nhà đầu tư nước ngoài, Cơ quan giải quyết vướng mắc cung cấp cho cơ quan quản lý đầu tư ở trung ương bản sao toàn bộ thông tin, tài liệu liên quan đến về khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài.

b. Cơ quan quản lý đầu tư ở trung ương có trách nhiệm rà soát thông tin, tài liệu nhận được về khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài và quá trình giải quyết khiếu nại đó và thông tin cho Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ kèm theo các tài liệu liên quan nêu phát hiện:

i) Biện pháp bị khiếu nại hoặc tham vấn có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, hiệp định đầu tư hoặc cam kết khác với Nhà đầu tư nước ngoài, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư nước ngoài;

ii) Không thể giải quyết dứt điểm khiếu nại của Nhà đầu tư nước ngoài; và

iii) Có khả năng phát sinh vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

c. Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ có trách nhiệm rà soát thông tin, tài liệu nhận được, đánh giá khả năng phát sinh tranh chấp và đề xuất biện pháp xử lý gửi Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư ở trung ương.

##### **2. Phối hợp trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế**

Các nội dung trong phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế bao gồm:

a. Cử công chức có đủ năng lực của cơ quan, tổ chức mình tham gia giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế khi được Cơ quan chủ trì yêu cầu.

b. Tham gia tham vấn, thương lượng, hòa giải các bất đồng, mâu thuẫn với Nhà đầu tư nước ngoài.

c. Xây dựng và thực hiện chiến lược, kế hoạch giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

d. Thu thập và cung cấp thông tin, hồ sơ, chứng cứ và tài liệu liên quan phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

đ. Thực hiện các công việc liên quan đến giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trong các giai đoạn tố tụng của trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

e. Thực hiện, phối hợp xử lý các nội dung liên quan đến phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế hay của cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

## **Điều 5. Xác định Cơ quan chủ trì**

1. Cơ quan chủ trì vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế là Cơ quan có biện pháp bị kiện, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 của Điều này.

Trong trường hợp có hai hoặc nhiều hơn hai cơ quan nhà nước của Việt Nam là Cơ quan bị kiện trong một vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể, các cơ quan này phải thống nhất để một trong các cơ quan này là Cơ quan chủ trì. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo ý định khởi kiện mà không thống nhất được Cơ quan chủ trì, các cơ quan này phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ và thông báo cho Bộ Tư pháp. Thủ tướng Chính phủ quyết định Cơ quan chủ trì trên nguyên tắc Cơ quan chủ trì là cơ quan nhà nước có liên quan nhiều nhất và năng lực phù hợp nhất để giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế đó.

2. Cơ quan nhà nước Việt Nam chủ trì đàm phán hoặc thay mặt Chính phủ Việt Nam ký hợp đồng, thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với Nhà đầu tư nước ngoài là Cơ quan chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế phát sinh trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận đó.

3. Bộ Tài chính là Cơ quan chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp phát sinh khi Nhà đầu tư nước ngoài kiện Chính phủ Việt Nam liên quan đến khoản vay, nợ của Chính phủ hoặc khoản vay, nợ được Chính phủ bảo lãnh theo quy định của pháp luật quản lý nợ công.

4. Trong trường hợp cần thiết hoặc theo đề xuất của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Thủ tướng Chính phủ quyết định phân công hoặc thay đổi Cơ quan chủ trì.

## **Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan chủ trì**

Cơ quan chủ trì có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Tiếp nhận, xử lý các thông tin, tài liệu liên quan đến việc khởi kiện của Nhà đầu tư nước ngoài.

2. Làm đầu mối liên lạc, trao đổi với Nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện và với trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Chủ trì, phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

4. Chủ trì, phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan xây dựng chiến lược, kế hoạch giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

5. Chủ trì, phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc chỉ định trọng tài viên.

6. Chủ trì, phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ lựa chọn, thuê và giám sát tổ chức hành nghề luật sư (sau đây gọi chung là luật sư) tư vấn giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, mời nhân chứng (bao gồm nhân chứng tình tiết và chuyên gia) trên cơ sở đề xuất của luật sư.

7. Chủ trì, phối hợp với Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan xử lý các vấn đề liên quan đến tranh chấp đầu tư quốc tế

8. Tham gia phiên xét xử của trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong giai đoạn sau khi có phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

10. Quyết định việc sao chép, cung cấp tài liệu cho thành viên Tổ Công tác liên ngành và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ về an toàn thông tin, đảm bảo bí mật nhà nước.

11. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến tranh chấp đầu tư quốc tế theo Quy chế này và quy định pháp luật.

### **Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ**

Bộ Tư pháp là Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Làm đầu mối giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thống nhất công tác giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chính phủ Việt Nam, cơ quan nhà nước Việt Nam.

2. Phối hợp với Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư được thuê theo quy định tại Quy chế này tư vấn cho Cơ quan chủ trì các vấn đề pháp lý liên quan đến giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế khi được Cơ quan chủ trì yêu cầu.

3. Hỗ trợ Cơ quan chủ trì thuê luật sư giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể.

4. Phối hợp với Cơ quan chủ trì trong việc xây dựng, thực hiện chiến lược, kế hoạch giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể.

5. Thay mặt Chính phủ Việt Nam tham gia phiên xét xử vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế trong trường hợp cần thiết hoặc theo đề nghị của Cơ quan chủ trì.

6. Cử đại diện tham gia Tổ Công tác liên ngành, tham gia phiên xét xử của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

7. Phối hợp với Cơ quan chủ trì và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện các công việc liên quan đến phán quyết sau khi được trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền ban hành.

8. Xây dựng, cập nhật danh sách các chuyên gia pháp lý có thể làm trọng tài viên và danh sách tổ chức hành nghề luật sư có thể làm luật sư cho Chính phủ Việt Nam, cơ quan nhà nước Việt Nam trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

### **Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến tranh chấp đầu tư quốc tế**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Phối hợp với Cơ quan chủ trì và Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế theo đúng yêu cầu của Cơ quan chủ trì và Cơ quan đại

diện pháp lý cho Chính phủ phù hợp với khả năng chuyên môn hoặc lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

2. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, hồ sơ, chứng cứ, tài liệu và giải trình các nội dung liên quan theo yêu cầu của Cơ quan chủ trì và/hoặc Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ.

3. Cử thành viên tham gia Tổ Công tác liên ngành theo đúng yêu cầu của Cơ quan chủ trì.

4. Đảm bảo các quy định về bảo mật thông tin và bí mật nhà nước trong toàn bộ quá trình giải quyết tranh chấp.

5. Yêu cầu Cơ quan chủ trì cung cấp hoặc bổ sung thông tin về vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế để thực hiện nhiệm vụ của mình.

## **Chương 2.**

### **PHỐI HỢP TRONG GIAI ĐOẠN PHÒNG NGỪA TRANH CHẤP**

**(tham vấn thêm Bộ Kế hoạch và Đầu tư)**

#### **Điều 9. Trách nhiệm giải quyết vướng mắc, khiếu nại**

1. Việc giải quyết vướng mắc, khiếu nại của Nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, cam kết với Nhà đầu tư nước ngoài và cam kết quốc tế liên quan của Việt Nam.

2. Trong trường hợp cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân nhận được vướng mắc, khiếu nại của Nhà đầu tư nước ngoài nhưng không có thẩm quyền giải quyết, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân đó phải hướng dẫn Nhà đầu tư nước ngoài gửi đến cơ quan có thẩm quyền và thông báo việc này đến cơ quan có thẩm quyền.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết vướng mắc, khiếu nại với Nhà đầu tư nước ngoài phải thông báo ngay cho Cơ quan quản lý Nhà nước về đầu tư nước ngoài nếu xét thấy:

a) Biện pháp bị khiếu nại có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật hoặc cam kết với Nhà đầu tư nước ngoài, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư nước ngoài; hoặc

b) Không thể giải quyết dứt điểm khiếu nại của Nhà đầu tư nước ngoài; hoặc

c) Có khả năng phát sinh vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

## **Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư**

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, sau khi nhận được thông báo theo quy định tại khoản 3 Điều 9 có trách nhiệm hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện giải quyết vướng mắc, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật, cam kết với Nhà đầu tư nước ngoài và cam kết quốc tế liên quan của Việt Nam..

2. Trường hợp xét thấy không thể giải quyết dứt điểm vướng mắc, khiếu nại của Nhà đầu tư nước ngoài và có khả năng phát sinh tranh chấp quốc tế, Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ đề xuất giải pháp xử lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

## **CHƯƠNG 3:PHỐI HỢP TRONG GIAI ĐOẠN NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI YÊU CẦU THAM VẤN**

### **Điều 11. Trách nhiệm tham vấn với Nhà đầu tư nước ngoài**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được yêu cầu tham vấn của Nhà đầu tư nước ngoài liên quan đến tranh chấp, bất đồng trong hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải phối hợp ngay cho Cơ quan đại diện pháp lý của Chính phủ để nghiên cứu, đề xuất phương án xử lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được Thủ tướng Chính phủ giao, phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ, tổ chức tham vấn với Nhà đầu tư nước ngoài theo cam kết với Nhà đầu tư nước ngoài hoặc cam kết quốc tế liên quan của Việt Nam và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả tham vấn.

3. Trường hợp tham vấn không thành công và xét thấy Nhà đầu tư nước ngoài có khả năng khởi kiện Chính phủ, Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao tổ chức tham vấn phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ quan chủ trì giải quyết vụ kiện nếu xảy ra.

## **Chương 4.**

## **PHỐI HỢP TRONG GIAI ĐOẠN TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ ĐƯỢC GIẢI QUYẾT TẠI TRỌNG TÀI QUỐC TẾ HOẶC CƠ QUAN TÀI PHÁN NƯỚC NGOÀI CÓ THẨM QUYỀN**

### **Điều 12. Tiếp nhận thông tin, tài liệu về tranh chấp đầu tư quốc tế**

1. Cơ quan chủ trì là cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận thông báo ý định khởi kiện, thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của Nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân không phải là Cơ quan chủ trì nếu nhận được thông báo ý định khởi kiện, thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của Nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao toàn bộ thông tin, tài liệu đã nhận trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đó đến:

a) Cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế này; hoặc

b) Cơ quan cấp trên trực tiếp và Bộ Tư pháp nếu không xác định được Cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

3. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản hoặc thông báo bằng văn bản từ nguồn khác, Bộ Tư pháp phải gửi văn bản kèm theo bản sao toàn bộ hồ sơ nhận được đến:

a) Cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế này; hoặc

b) Văn phòng Chính phủ để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định Cơ quan chủ trì theo quy định tại đoạn 2 Khoản 1 và Khoản 5 Điều 5 Quy chế này.

4. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Tư pháp theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phân công Cơ quan chủ trì.

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định phân công Cơ quan chủ trì, Văn phòng Chính phủ gửi thông báo về quyết định phân công Cơ quan chủ trì đến Cơ quan chủ trì để thực hiện.

### **Điều 13. Thông báo về việc Nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện và yêu cầu cung cấp thông tin, hồ sơ, chứng cứ, tài liệu phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế**

1. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo ý định khởi kiện hoặc thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của Nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền, Cơ quan chủ trì phải thông báo bằng văn bản kèm theo các thông tin, tài liệu liên quan đến Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Nội dung văn bản theo quy định tại Khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Tên, quốc tịch của Nhà đầu tư nước ngoài;

b) Căn cứ khởi kiện và biện pháp bị khởi kiện;

- c) Cơ quan tài phán giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;
- d) Các tình tiết của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;
- đ) Yêu cầu của Nhà đầu tư nước ngoài;
- e) Đánh giá sơ bộ ban đầu về vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;
- g) Tên cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được đề nghị hoặc yêu cầu phối hợp và các thông tin, hồ sơ, chứng cứ, tài liệu cần được cung cấp để phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;
- h) Các nội dung cần thiết khác cho việc giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được yêu cầu phối hợp theo Khoản 2 Điều này trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị hoặc yêu cầu của Cơ quan chủ trì có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, hồ sơ, chứng cứ, tài liệu.

4. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan chủ trì yêu cầu Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp bổ sung thông tin, hồ sơ, chứng cứ, tài liệu và cử người tham gia Tổ Công tác liên ngành phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp bổ sung thông tin, hồ sơ, chứng cứ, tài liệu và cử người tham gia Tổ Công tác liên ngành theo yêu cầu của Cơ quan chủ trì trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

5. Trong trường hợp vì lý do khách quan không thể đáp ứng thời hạn bảy (07) ngày làm việc theo Khoản 3 và Khoản 4 Điều này, Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phải thông báo lại với Cơ quan chủ trì, trong đó nêu rõ lý do và thời hạn hoàn thành sớm nhất có thể.

#### **Điều 14. Xây dựng chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế**

1. Ngay khi nhận được thông báo ý định khởi kiện, thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của Nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền, Cơ quan chủ trì khẩn trương phối hợp với Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và Tổ Công tác liên ngành (nếu đã được thành lập), luật sư (nếu có) tổ chức việc xây dựng chiến lược sơ bộ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

Trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được Đơn Khởi kiện chính thức của Nhà đầu tư nước ngoài, Cơ quan chủ trì phối hợp với Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và Tổ Công tác liên ngành (nếu đã được thành lập), luật sư (nếu có) xây dựng

chiến lược tổng thể giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế trình cơ quan cấp trên trực tiếp hoặc Thủ tướng Chính phủ (nếu Cơ quan chủ trì là Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) để phê duyệt.

2. Chiến lược tổng thể giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- a) Tóm tắt vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và cơ sở pháp lý liên quan;
- b) Phân tích điểm mạnh, điểm yếu của phía Việt Nam và của Nhà đầu tư nước ngoài;
- c) Trình bày quy trình tố tụng đối với vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và nhiệm vụ của Cơ quan chủ trì, Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong các bước của quy trình tố tụng này;
- d) Việc sử dụng luật sư, chỉ định trọng tài viên (nếu có);
- đ) Đề xuất các phương án xử lý vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, trong đó có phương án thương lượng, hòa giải;
- e) Nhận xét, kiến nghị liên quan.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được chiến lược tổng thể giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo Khoản 1 Điều này có ý kiến phê duyệt chiến lược này và gửi Cơ quan chủ trì, Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ.

4. Trong quá trình thực hiện chiến lược tổng thể giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được phê duyệt, nếu cần thiết, Cơ quan chủ trì phối hợp với Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và Tổ Công tác liên ngành (nếu đã được thành lập) sửa đổi, bổ sung chiến lược tổng thể giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung đó theo quy định tại Điều này và gửi cho Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ.

5. Chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được bảo quản theo chế độ mật.

## **Điều 15. Thành lập, giải thể Tổ Công tác liên ngành**

1. Tùy theo tính chất của vụ việc, Cơ quan chủ trì quyết định việc thành lập Tổ Công tác liên ngành.

Tổ Công tác liên ngành được thành lập khi vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được khởi kiện ra trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền. Trong trường hợp cần thiết, Tổ Công tác liên ngành có thể được thành lập sau khi Cơ quan chủ trì nhận được thông báo ý định khởi kiện của Nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

2. Thành viên Tổ Công tác liên ngành gồm đại diện của Cơ quan chủ trì và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành là lãnh đạo của Cơ quan chủ trì.

Phó Tổ trưởng Tổ Công tác liên ngành được xác định như sau:

a) Trong trường hợp Chính phủ Việt Nam là bị đơn theo Điều [redacted] Quy chế này, Phó Tổ trưởng Tổ Công tác liên ngành là đại diện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Trong trường hợp Chính phủ Việt Nam là bị đơn theo Điều [redacted] Quy chế này, Phó Tổ trưởng Tổ Công tác liên ngành là đại diện của Bộ Tư pháp;

c) Trong trường hợp một cơ quan nhà nước cụ thể của Việt Nam (không phải là Chính phủ Việt Nam) là bị đơn, Phó Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành là đại diện của cơ quan nhà nước cùng cấp với Cơ quan chủ trì và do Cơ quan chủ trì quyết định.

3. Cơ quan chủ trì quyết định việc thành lập và hoạt động của Tổ Công tác liên ngành.

4. Tổ Công tác liên ngành tự giải thể và chấm dứt hoạt động sau khi vụ việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế kết thúc.

## **Điều 16. Nhiệm vụ của Tổ Công tác liên ngành**

1. Tổ Công tác liên ngành có nhiệm vụ tư vấn cho Cơ quan chủ trì và Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ (khi Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ yêu cầu) về các vấn đề liên quan đến giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Tổ Công tác liên ngành có trách nhiệm thực hiện theo chiến lược tổng thể giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế đã được phê duyệt.

3. Thành viên Tổ Công tác liên ngành báo cáo xin ý kiến lãnh đạo của cơ quan cử thành viên đó về những nội dung liên quan đến lĩnh vực do cơ quan mình quản lý. Ý kiến của thành viên Tổ Công tác liên ngành là ý kiến chính thức của cơ quan cử thành viên đó và cần đảm bảo thống nhất ý kiến của thành viên Tổ Công tác và ý kiến bằng văn bản của Cơ quan cử thành viên.

4. Thành viên Tổ Công tác liên ngành có quyền bảo lưu ý kiến của mình nếu ý kiến đó khác với ý kiến của Tổ Công tác liên ngành hoặc của Cơ quan chủ trì.

### **Điều 17. Chế độ làm việc của Tổ Công tác liên ngành**

1. Các thành viên Tổ Công tác liên ngành hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Các thành viên Tổ Công tác liên ngành thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ trưởng Tổ Công tác liên ngành và có trách nhiệm tham gia đầy đủ, hiệu quả các hoạt động của Tổ Công tác liên ngành. Trong trường hợp cần thiết, Tổ trưởng Tổ Công tác liên ngành quyết định việc luật sư tư vấn tham gia các hoạt động của Tổ Công tác liên ngành.

3. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm bố trí một bộ phận giúp việc cho Tổ Công tác liên ngành để thực hiện các công việc hành chính và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho các hoạt động của Tổ Công tác liên ngành.

4. Thành viên Tổ Công tác liên ngành và bộ phận giúp việc cho Tổ Công tác liên ngành được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định của pháp luật.

### **Điều 18. Phối hợp trong giai đoạn cung tài liệu tại trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền**

1. Cơ quan chủ trì phối hợp với Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) thu thập các tài liệu trên cơ sở yêu cầu cung cấp tài liệu của Nhà đầu tư nước ngoài hoặc trọng tài quốc tế.

2. Cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ Công tác liên ngành quyết định các văn bản mà phía Việt Nam có thể cung cấp, các văn bản không cung cấp trên cơ sở các lý do tài liệu đặc quyền.

### **Điều 19. Xây dựng, hoàn thiện các bản tự bảo vệ, bản kháng biện và các văn bản nộp hội đồng trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền**

1. Cơ quan chủ trì phối hợp với Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) xây dựng, hoàn thiện các bản tự bảo vệ, bản kháng biện và các văn bản nộp hội đồng trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền theo quy trình tổ tụng giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm góp ý bằng văn bản đối với dự thảo các bản tự bảo vệ, bản kháng biện và các văn bản nộp hội đồng trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền trong thời hạn bảy (05) ngày làm việc

kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của Cơ quan chủ trì, trừ khi Cơ quan chủ trì có yêu cầu thời hạn trả lời dài hơn.

3. Khi nộp các bản tự bảo vệ, bản kháng biện và các văn bản cho hội đồng trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền, Cơ quan chủ trì có trách nhiệm gửi một bản sao đến Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ.

### **Điều 20. Tham gia phiên xét xử của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền**

1. Cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ Công tác liên ngành, Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) chuẩn bị nội dung tham gia vào phiên xét xử tại trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

2. Tùy theo tính chất vụ việc, Cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ Công tác liên ngành, Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) quyết định thành phần tham gia phiên xét xử.

### **Điều 21. Đàm phán, thương lượng, hòa giải với Nhà đầu tư nước ngoài**

1. Trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, căn cứ vào tình hình thực tế và chiến lược tổng thể giải quyết vụ việc, Cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ Công tác liên ngành, Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) xây dựng phương án hòa giải với Nhà đầu tư nước ngoài trình cơ quan cấp trên trực tiếp của Cơ quan chủ trì hoặc Thủ tướng Chính phủ (nếu Cơ quan chủ trì là Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) phê duyệt và sao gửi Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ.

2. Trong trường hợp phương án hòa giải với Nhà đầu tư nước ngoài được phê duyệt theo Khoản 1 Điều này, Cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ Công tác liên ngành, Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) tiến hành đàm phán, thương lượng, hòa giải với Nhà đầu tư nước ngoài theo đúng phương án đó.

## **Chương 5.**

### **PHỐI HỢP TRONG GIAI ĐOẠN SAU PHÁN QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ CỦA TRỌNG TÀI QUỐC TẾ HOẶC CƠ QUAN TÀI PHÁN NƯỚC NGOÀI CÓ THẨM QUYỀN**

### **Điều 22. Xử lý các vấn đề liên quan sau phiên xét xử của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền**

1. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày phiên xét xử tại trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền kết thúc, Cơ quan chủ trì có

trách nhiệm báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan chủ trì hoặc Thủ tướng Chính phủ (nếu Cơ quan chủ trì là Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) và Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ về diễn biến phiên xét xử tại trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

2. Cơ quan chủ trì phối hợp với Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan xử lý các vấn đề phát sinh sau phiên xét xử của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

3. Trong trường hợp Chính phủ Việt Nam (hoặc cơ quan nhà nước Việt Nam) phải bồi thường cho nhà đầu tư nước ngoài, Cơ quan chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp trình cơ quan cấp trên hoặc Thủ tướng Chính phủ (nếu Cơ quan chủ trì là Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) phương án chi trả, đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về ngân sách, tránh phát sinh tối đa lãi suất phải trả.

### **Điều 23. Công nhận và thi hành tại Việt Nam phán quyết, quyết định giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền**

1. Việc công nhận và thi hành tại Việt Nam phán quyết, quyết định giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên.

2. Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các công việc sau phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

### **Điều 24. Thi hành ở nước ngoài phán quyết, quyết định giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền**

Cơ quan chủ trì phối hợp với Bộ Ngoại giao, Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc thi hành ở nước ngoài phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

### **Điều 25. Xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã ban hành, áp dụng biện pháp trái pháp luật trái cam kết quốc tế của Việt Nam dẫn đến tranh chấp đầu tư quốc tế**

1. Việc xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã ban hành, áp dụng biện pháp trái pháp luật Việt Nam, trái cam kết quốc tế của Việt Nam dẫn tới tranh chấp đầu tư quốc tế được thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam.

2. Việc xác định trách nhiệm của cá nhân đã ký hợp đồng, thỏa thuận với Nhà đầu tư nước ngoài trái pháp luật Việt Nam, gây ra tranh chấp đầu tư quốc tế được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam

## **Chương 6.**

### **THUÊ LUẬT SƯ TƯ VẤN, CHUYÊN GIA KỸ THUẬT VÀ MỜI NHÂN CHỨNG PHỤC VỤ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ**

#### **Điều 26. Thuê luật sư tư vấn giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế**

1. Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ quyết định việc lựa chọn, thuê luật sư tư vấn thường xuyên cho Chính phủ để hỗ trợ Chính phủ xử lý các vấn đề liên quan đến đầu tư quốc tế và tranh chấp đầu tư quốc tế khi chưa phát sinh các vụ việc tranh chấp cụ thể.

2. Tùy theo tính chất phức tạp của từng vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể, Cơ quan chủ trì tham vấn Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ để quyết định việc lựa chọn, thuê luật sư tư vấn.

3. Quy trình lựa chọn luật sư tư vấn được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Thủ trưởng Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ, Cơ quan chủ trì hoặc người được ủy quyền ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với tổ chức hành nghề luật sư sau khi báo cáo kết quả đàm phán theo quy trình nêu tại Khoản 3 Điều này.

5. Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ, Cơ quan chủ trì phối hợp với các cơ quan nhà nước liên quan kiểm soát việc thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký với tổ chức hành nghề luật sư, kiểm soát công việc hàng tháng, công việc của từng thành viên thuộc Nhóm luật sư tư vấn, các chi phí pháp lý và các chi phí khác có liên quan.

#### **Điều 27. Mời nhân chứng tham gia vụ việc tranh chấp**

1. Tùy theo yêu cầu của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, theo tư vấn của luật sư (nếu có), Cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ Công tác liên ngành, Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan mời nhân chứng (nhân chứng tình tiết, nhân chứng chuyên môn) phục vụ quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Việc chi trả khoản bù đắp cho nhân chứng được thực hiện theo quy định tại Chương 6 Quyết định này.

## **Điều 28. Thuê chuyên gia**

1. Tùy theo yêu cầu của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, Cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ Công tác liên ngành, Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) quyết định việc thuê chuyên gia phục vụ quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.
2. Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm quản lý công việc của chuyên gia trên cơ sở hợp đồng thỏa thuận giữa cơ quan chủ trì và chuyên gia.
3. Việc trả phí cho chuyên gia thực hiện theo quy định tại Chương 6 Quyết định này.

## **Chương 7**

### **CƠ CHẾ TÀI CHÍNH PHỤC VỤ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ**

#### **Điều 29. Nguyên tắc bố trí kinh phí phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế**

1. Trong trường hợp Cơ quan chủ trì là cơ quan nhà nước ở trung ương, kinh phí phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được ngân sách trung ương đảm bảo.
2. Trong trường hợp Cơ quan chủ trì là cơ quan nhà nước ở địa phương, kinh phí phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định về phân cấp ngân sách.
3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự toán kinh phí của Cơ quan chủ trì, cơ quan tài chính cùng cấp có trách nhiệm thẩm định, rà soát kinh phí phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và phối hợp với Cơ quan chủ trì báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định.
4. Trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, khi cần thiết, Cơ quan chủ trì có quyền chủ động sử dụng kinh phí thường xuyên cấp cho cơ quan đó để phục vụ các hoạt động giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và sau đó được cấp bù theo dự toán kinh phí được phê duyệt theo Khoản 3 Điều này.
5. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo quy định tại của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

#### **Điều 30. Chi phí phát sinh từ việc tham gia của các cơ quan nhà nước trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế**

1. Chi phí phát sinh từ việc thực hiện nhiệm vụ đại diện pháp lý cho Chính phủ được cấp trong kinh phí hoạt động hàng năm của Bộ Tư pháp.

2. Chi phí phát sinh từ việc thực hiện các hoạt động khác trong phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế được cấp cho Cơ quan chủ trì theo từng vụ việc cụ thể (bao gồm cả chi phí phục vụ hoạt động của Tổ Công tác liên ngành) và được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Trong trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ sung kinh phí phục vụ vụ việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế theo đề nghị của Cơ quan chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế đó.

### **Điều 31. Kinh phí thực hiện phán quyết, quyết định của hội đồng trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền**

1. Trường hợp Chính phủ Việt Nam phải bồi thường cho nhà đầu tư nước ngoài theo phán quyết, quyết định của hội đồng trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền, Bộ Tài chính bố trí nguồn kinh phí chi trả bồi thường theo quy định của phán quyết, quyết định từ ngân sách nhà nước trung ương.

Trường hợp biện pháp bị kiện là của cơ quan nhà nước ở địa phương, ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí chi trả bồi thường cho ngân sách nhà nước trung ương.

2. Trường hợp Cơ quan nhà nước Việt Nam phải bồi thường cho nhà đầu tư nước ngoài theo phán quyết, quyết định của hội đồng trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền, Cơ quan phải bồi thường tự bố trí nguồn kinh phí chi trả bồi thường từ nguồn kinh phí của cơ quan mình.

## **Chương 8**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 32. Điều khoản thi hành**

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện Quy chế này và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp khi được yêu cầu để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp có trách nhiệm trình cơ quan có thẩm quyền về việc thành lập một đơn vị chuyên trách thuộc Bộ Tư pháp để thực hiện nhiệm vụ được giao theo Quy chế này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ những vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế này và sao gửi Bộ Tư pháp.

### **Điều 33. Đơn đốc, kiểm tra thực hiện Quy chế**

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này./.